

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Biểu mẫu 18C
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Thủ Dầu Một
năm học 2022 - 2023**

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

Chương trình Marketing, khóa học 2022-2026

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|------------|--------------------|---|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
| 1 | Pháp luật (2+0) | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật; các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp luật quốc tế; đào tạo luật và nghề luật ở Việt Nam. Từ đó giúp người học nâng cao sự hiểu biết về vai trò và sự quan trọng của Nhà nước và pháp luật trong đời sống, có những quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước Việt Nam, có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật nhà nước, có ý thức đầy đủ về bổn phận và nghĩa vụ của | 2 (2+0) | Học kì 1 | Tự Luận |

| | | | | | |
|---|--|---|---------|----------|-----------|
| | | một công dân đối với quốc gia, biết áp dụng pháp luật trong cuộc sống làm việc của mình, nhất là đối với người học trong các ngành học thuộc khoa học xã hội, vừa cần những lý luận cơ bản về pháp luật, vừa cần những kiến thức pháp luật chuyên ngành. | | | |
| 2 | Toán cao cấp C1 (2+0) | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của giải tích hàm số (phép tính vi phân hàm một biến, phép tính vi phân của hàm số nhiều biến, phép tính tích phân của hàm số một biến và một số kiến thức cơ bản về phương trình vi phân). Cung cấp một số ứng dụng của đạo hàm và tích phân trong kinh tế, là cơ sở để sinh viên học tập và nghiên cứu các môn khác. | 2 (2+0) | Học kì 1 | Tự Luận |
| 3 | Nhập môn ngành Marketing (2+0) | Nội dung cung cấp kiến thức tổng quát về ngành Marketing. Người học được hiểu thêm thông tin căn bản về ngành mình đang theo học, các kiến thức cơ bản về Marketing và môi trường liên quan, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng. Trên cơ sở đó, người học có thể nhận thức về chuyên ngành Marketing mà mình sẽ theo học. Trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm Marketing chuyên nghiệp. | 2 (2+0) | Học kì 1 | Tiểu luận |
| 4 | Thực hành Nhập môn ngành Marketing (0+1) | Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng tổng quát về ngành Marketing. Trên cơ sở đó, người học có thể nhận thức về ngành mình sẽ theo học mà người học chuẩn bị đón nhận Trong suốt quá trình học, sinh viên có | 1 (0+1) | Học kì 1 | Tiểu luận |

| | | | | | |
|---|---------------------------------------|--|---------|----------|-------------|
| | | thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm Marketing. | | | |
| 5 | Phương pháp nghiên cứu khoa học (3+0) | Môn học tập trung vào các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội nhằm giúp học viên có khả năng thực hiện một nghiên cứu quan tâm trong tương lai dưới dạng độc lập cá nhân hay nhóm. Những nội dung được đề cập bao gồm xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm (đánh giá những nghiên cứu trước, thu thập dữ liệu, sử dụng công cụ phân tích, viết và trình bày nghiên cứu...). | 3 (3+0) | Học kì 2 | Tiểu luận |
| 6 | Giáo dục thể chất (2+0) | Học phần trang bị cho người học hệ thống lý thuyết về thể dục thể thao và các nguyên lý các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp phát triển các tố chất thể lực chung và chuyên môn; hiểu một số điều luật và phương pháp trọng tài các phân môn trong thể thao. | 2 (2+0) | Học kì 2 | Thực hành |
| 7 | Kinh tế vi mô (2+0) | Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về kinh tế học: khái niệm kinh tế học, 3 vấn đề cơ bản của kinh tế học, các lý thuyết kinh tế vi mô về: cung – cầu, lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng, lý thuyết về sản xuất và chi phí, các loại thị trường: thị trường cạnh tranh hoàn toàn, thị trường độc quyền hoàn toàn, thị trường cạnh tranh không hoàn toàn, thị trường các yếu tố sản xuất và rèn luyện cho SV các làm việc cá nhân, làm việc nhóm, thuyết trình, đặt câu hỏi, áp dụng lý thuyết đã học vào đánh giá các vấn đề kinh tế trong thực tiễn. Sinh viên vận dụng được các lý | 2 (2+0) | Học kì 2 | Trắc nghiệm |

| | | | | | |
|----|----------------------------------|---|---------|----------|-------------|
| | | thuyết vào trong đánh giá các tình huống kinh tế trong thực tiễn. | | | |
| 8 | Luật kinh tế (2+0) | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực pháp luật kinh tế như: Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh và Luật Phá sản. Từ đó, sinh viên có những nhận thức chung về pháp luật điều chỉnh những hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. | 2 (2+0) | Học kì 2 | Tự luận |
| 9 | Marketing căn bản (3+0) | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học trong marketing, gồm các vấn đề cụ thể: môi trường marketing, hành vi khách hàng, nghiên cứu marketing, phân khúc thị trường – lựa chọn thị trường mục tiêu – định vị thị trường, chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến. Vận dụng các kỹ năng như làm việc nhóm, làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp để giải quyết các tình huống marketing và kỹ năng đánh giá cơ hội kinh doanh trong hoạt động marketing. | 3 (3+0) | Học kì 2 | Trắc nghiệm |
| 10 | Nguyên lý thống kê kinh tế (0+2) | Môn học giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về thống kê như một số khái niệm về thống kê và các khái niệm thường dùng trong thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê, các phương pháp phân tích thống kê thường dùng. Bên cạnh đó, trong quá trình học, sinh viên sẽ hiểu, biết và vận dụng các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin, các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân | 2 (0+2) | Học kì 2 | Tự luận |

| | | | | | |
|----|--------------------------------------|--|---------|----------|---------|
| | | <p>tích sự biến động của hiện tượng (Phương pháp phân tích dãy số thời gian, phân tích chỉ số,...). Từ đó đọc, hiểu và tính toán được các chỉ tiêu kinh tế để nhận thức được chính xác hiện tượng kinh tế xã hội từ đó đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong quản lý.</p> | | | |
| 11 | Toán cao cấp C2 (2+0) | <p>Học phần này trang bị cho người học các kiến thức Toán cơ bản về: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ và chéo hóa ma trận. Đồng thời ứng dụng các kiến thức đó vào giải quyết các bài toán kinh tế.</p> <p>Rèn luyện cho người học các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề, tư duy phân tích và tư duy phản biện.</p> | 2 (2+0) | Học kì 2 | Tự luận |
| 12 | Giáo dục quốc phòng an ninh (5+0) | <p>- Về kiến thức: Sinh viên giải thích được nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; tự hào truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc; phân biệt được lực lượng vũ trang nhân dân; vận dụng nghệ thuật quân sự Việt Nam trong tình hình mới; sẵn sàng tham gia, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân.</p> <p>- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, phân biệt, vận dụng sáng tạo công tác Quốc phòng và An ninh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.</p> <p>- Về thái độ: Là công dân yêu nước, tự hào dân tộc, học tập tốt góp phần phát triển kinh tế và sẵn sàng tham gia nhập ngũ nếu được động viên, trung</p> | 5 (5+0) | Học kì 3 | |

| | | | | | |
|----|---|--|---------|----------|-------------|
| | | thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; có trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. | | | |
| 13 | Thực hành Giáo dục quốc phòng an ninh (0+3) | Nội dung học phần được cấu trúc thành 7 phần gồm: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học, quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ vững chắc tổ quốc VN XHCN; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng Vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam. | 3 (0+3) | Học kì 3 | |
| 14 | Nguyên lý kế toán (2+0) | Môn Nguyên lý kế toán nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán – một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...) | 2 (2+0) | Học kì 3 | Trắc nghiệm |
| 15 | Thực hành nguyên lý kế toán (0+1) | Sinh viên được thực hành về các bước cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...) | 1 (0+1) | Học kì 3 | Trắc nghiệm |

| | | | | | |
|----|---------------------------------|--|---------|----------|-------------|
| 16 | Thực tập doanh nghiệp 1 (0+2) | Học phần tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận môi trường làm việc thực tế. Sinh viên có cơ hội quan sát quy trình làm việc và hiểu được những yêu cầu của nghề nghiệp. Thông qua học phần kiến tập, sinh viên nắm vững hơn kiến thức, hiểu rõ và biết cách áp dụng kiến thức trong thực tế. | 2 (0+2) | Học kì 3 | Báo cáo |
| 17 | Tư duy biện luận ứng dụng (2+0) | <p>Giúp sinh viên thấy rõ lợi ích của việc học tập và rèn luyện kỹ năng tư duy biện luận, từ việc thay đổi cách suy nghĩ theo thói quen truyền thống để tiếp nhận cái mới trong tư duy, kích thích tính sáng tạo đến việc xây dựng ý thức nhìn nhận,...</p> <p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức: quan sát, phát hiện các nguyên tắc, nguyên lý, quy luật trong việc giải quyết vấn đề, hiểu và vận dụng những tri thức tích lũy được trong những tình huống cụ thể,...;</p> <p>Bước đầu hình thành tư duy phản biện trong sinh viên ở các cấp độ khác nhau: thúc đẩy sinh viên suy nghĩ theo hướng phản biện, tranh luận, xây dựng giả thuyết nghiên cứu,...</p> | 2 (2+0) | Học kì 4 | Tự luận |
| 18 | Kinh tế vĩ mô (2+0) | Học phần trình bày cách tính các chỉ tiêu kinh tế - thước đo thành tựu của 1 nền kinh tế - như chỉ tiêu tổng sản lượng quốc gia, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lạm phát..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề kinh tế vĩ mô của 1 nền kinh tế mở và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế | 2 (2+0) | Học kì 4 | Trắc nghiệm |

| | | | | | |
|----|--------------------------|---|---------|----------|-------------|
| | | cụ thể trong từng thời kì. Song song đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như: kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và các kỹ năng mềm như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. | | | |
| 19 | Quản trị học (2+0) | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị, bao gồm những yếu tố môi trường tổng quát nhất tác động đến doanh nghiệp, tổ chức, và những chức năng cơ bản của quản trị trong tổ chức kinh doanh, bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm tra. | 2 (2+0) | Học kì 4 | Tiểu luận |
| 20 | Tài chính tiền tệ (2+0) | Học phần Tài chính tiền tệ là một học phần cơ sở ngành, nó cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tài chính và tiền tệ Ngân hàng trong nền kinh tế thị trường. Bao gồm các nội dung như: Đại cương về tài chính, Chính sách tài chính quốc gia; Đại cương về Tiền tệ, Chính sách tiền tệ; Tín dụng; Lãi suất; Tài chính công; Vấn đề lạm phát và kiểm soát lạm phát; Hệ thống Ngân hàng trong nền kinh tế bao gồm Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia; Định chế tài chính phi ngân hàng; Tài chính quốc tế. Kiến thức Tài chính tiền tệ trở thành kiến thức cơ sở, nền tảng để người học tiếp cận các môn học chuyên ngành Tài chính ngân hàng. | 2 (2+0) | Học kì 4 | Trắc nghiệm |
| 21 | Hành vi khách hàng (0+2) | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng thông qua các lý thuyết về tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học. Qua môn học sinh viên sẽ | 2 (0+2) | Học kì 4 | Tiểu luận |

| | | | | | |
|----|--------------------------------------|---|---------|----------|-------------|
| | | thông hiểu về vai trò trung tâm của khách hàng trong công tác marketing và có thể vận dụng các mô hình tiếp thu từ môn học làm công cụ phân tích hành vi khách hàng trong điều kiện thực tế. | | | |
| 22 | Kế toán tài chính (0+2) | Trang bị những kiến thức cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền, nợ phải thu – các khoản ứng trước, nguyên vật liệu, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp. | 2 (0+2) | Học kì 4 | Tự luận |
| 23 | Triết học Mác – Lênin (3+0) | Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin | 3 (3+0) | Học kì 5 | Trắc nghiệm |
| 24 | Thực hành Giáo dục thể chất (0+3) | <p>- <i>Về kiến thức:</i> Sinh viên thực hiện được động tác của môn thể thao được học. Áp dụng đúng luật thi đấu. Giải thích được tác dụng của việc tập luyện thể dục thể thao. Phát triển các tố chất vận động.</p> <p>- <i>Về kỹ năng:</i> Lập lại đúng động tác, tiến dần đến việc hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động. Có thể tham gia biểu diễn hoặc thi đấu môn thể thao đã học.</p> <p>- <i>Về thái độ:</i> Hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực và tầm vóc. Có thái độ tích cực, lạc quan,</p> | 3 (0+3) | Học kì 5 | |

| | | | | | |
|----|---|---|---------|----------|-----------|
| | | sống lành mạnh. | | | |
| 25 | Quản trị bán hàng (2+0) | Nội dung của môn học nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, tư duy trong việc thực hiện công việc quản trị bán hàng: giới thiệu về công việc bán hàng, gồm tổng quan về quản trị bán hàng, hoạch định bán hàng, tổ chức bán hàng, tuyển chọn và huấn luyện bán hàng, lãnh đạo và động viên lực lượng bán hàng và kiểm soát bán hàng, những kỹ năng cần thiết đối với Giám đốc bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, lập hạn ngạch, tổ chức đội ngũ bán hàng, quản lý và làm tăng năng suất của lực lượng bán hàng, quản trị đội ngũ bán hàng... | 2 (2+0) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 26 | Quản trị hành chính văn phòng (0+2) | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị Hành chính văn phòng, bao gồm những yếu tố môi trường tổng quát nhất tác động đến văn phòng của doanh nghiệp, của tổ chức, và những chức năng cơ bản của quản trị Hành chính văn phòng trong tổ chức, trong đơn vị kinh doanh, bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển lãnh đạo, và kiểm tra/ kiểm soát công việc văn phòng. | 2 (0+2) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 27 | Kinh tế phát triển (0+2) | Môn Kinh tế phát triển nhằm trang bị cho sinh viên kinh tế kiến thức cơ bản, những lý thuyết xây dựng mô hình kinh tế tăng trưởng, những vấn đề chủ yếu của phát triển kinh tế. Nắm được những kiến thức cơ bản về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển bền vững, tính toán các chỉ số tăng trưởng như GDP, GDP..... | 2 (0+2) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |

| | | | | | |
|----|---------------------------|--|---------|----------|-------------|
| | | Nắm được đặc điểm của các lý thuyết tăng trưởng, mô hình tăng trưởng, cơ cấu kinh tế, các nguồn lực phát triển, phúc lợi xã hội và các chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế | | | |
| 28 | Marketing dịch vụ (0+2) | Học phần marketing dịch vụ giới thiệu và giúp sinh viên biết được những vấn đề liên quan đến marketing dịch vụ, so sánh sự khác nhau và giống nhau giữa marketing dịch vụ và marketing sản phẩm hữu hình. Học phần marketing dịch vụ cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chất lượng dịch vụ, nhận biết các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ, phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ của một doanh nghiệp, vì các doanh nghiệp ngày nay đòi hỏi phải chú trọng đến khả năng làm hài lòng khách hàng, chất lượng dịch vụ, dịch vụ khách hàng. | 2 (0+2) | Học kì 5 | Tiểu luận |
| 29 | Marketing công nghệ (0+2) | Các kiến thức marketing công nghiệp có thể áp dụng cho các doanh nghiệp bán hàng hoá dịch vụ công nghiệp thuần tuý, hàng hoá bán cả cho 2 thị trường công nghiệp và tiêu dùng và hàng hoá tiêu dùng khi muốn bán cho đối tượng khách hàng công nghiệp. Môn học sẽ củng cố thêm những kiến thức marketing sinh viên đã học trong môn marketing căn bản, cung cấp những kiến thức chuyên sâu để sinh viên có thể làm việc với thị trường công nghiệp. Học xong môn học này sinh viên sẽ có những kiến thức, kỹ năng để có thể làm việc ở các vị trí nhân viên kinh doanh, nhân viên marketing, quản lý marketing, quản lý bán hàng... | 2 (0+2) | Học kì 5 | Tiểu luận |
| 30 | Kinh tế chính trị | Học phần bao gồm 6 chương: Chương 1 bàn về đối tượng, phương | 2 (2+0) | Học kì 6 | Trắc nghiệm |

| | | | | | |
|----|---|--|---------|----------|-----------|
| | Mác - Lênin (2+0) | pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin như hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. | | | |
| 31 | Đàm phán trong kinh doanh (2+0) | <p>Môn Đàm phán trong kinh doanh là học phần về khả năng thương thuyết bằng tiếng Anh bao gồm các nội dung sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các dạng đàm phán, các khái niệm cơ bản cần ghi nhớ trong nghệ thuật đàm phán ; - Các bước chuẩn bị trước và trong khi tiến hành quá trình đàm phán ; - Các chiến thuật áp dụng và những sai lầm thường gặp trong quá trình đàm phán ; - Cách giành lợi thế trong đàm phán, rút kinh nghiệm và cải thiện khả năng đàm phán ; - Những yếu tố tác động đến quá trình đàm phán | 2 (2+0) | Học kì 6 | Tiểu luận |
| 32 | Pháp luật và đạo đức truyền thông (2+0) | Học phần pháp luật và Đạo đức báo chí trang bị cho người học những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về luật pháp báo chí các khái niệm, lịch sử các vấn đề luật pháp báo chí; Các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực báo chí; Quản lý nhà nước trong lĩnh vực báo chí; Tự do báo chí; Địa vị pháp | 2 (2+0) | Học kì 6 | Tự luận |

| | | | | | |
|----|---|--|---------|----------|---------|
| | | <p>lý của báo chí và nhà báo; Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước trong lĩnh vực báo chí, hoàn thiện hệ thống pháp luật báo chí; Khái niệm về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp nhà báo; Cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp nhà báo; các quy ước đạo đức nghề nghiệp của báo chí; Tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; Vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo để người học hiểu biết thêm, tham khảo và vận dụng nhất định trong điều kiện báo chí Việt Nam đổi mới và hội nhập.</p> | | | |
| 33 | Thực tập doanh nghiệp 2 (0+3) | <p>Học phần tạo cơ hội cho sinh viên trải nghiệm trong môi trường làm việc thực tế. Sinh viên trực tiếp tham gia vào các quy trình làm việc tại doanh nghiệp. Sinh viên chọn một bộ phận, phòng ban để thực tập thực tế. Sau thực tập, sinh viên có thể phân tích, lập kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh, xây dựng thương hiệu, xây dựng chính sách quản trị nhân sự, quản trị bán hàng.</p> | 3 (0+3) | Học kì 6 | Báo cáo |
| 34 | Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam bộ (2+0) | <p>Đông Nam Bộ có vị trí địa lý thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, là vùng có nền kinh tế hàng hóa, cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển hơn so với các vùng khác trong cả nước, luôn dẫn đầu cả nước về tổng sản phẩm, giá trị sản lượng công nghiệp và giá trị hàng xuất khẩu.</p> <p>Học phần cung cấp cho người học những thông tin cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Nam Bộ với những đặc trưng về kinh</p> | 2 (2+0) | Học kỳ 7 | Tự luận |

| | | | | | |
|----|--|--|---------|----------|-------------|
| | | <p>tế - xã hội, từ đó giúp người học có thể định vị vai trò dẫn dắt, kết nối của các tỉnh thành Đông Nam Bộ đối với khu vực phía Nam Việt Nam. Qua đó, người học có thể hình thành những năng lực nghiên cứu và kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống và công việc của mình.</p> | | | |
| 35 | <p>Chủ nghĩa xã hội khoa học (2+0)</p> | <p>Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học (đó là những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin).</p> | 2 (2+0) | Học kỳ 7 | Trắc nghiệm |
| 36 | <p>Nghiên cứu thị trường (0+2)</p> | <p>Về kiến thức, sinh viên nắm vững lý thuyết và thực hành các hoạt động thực tiễn về nghiên cứu thị trường, có kiến thức thu thập và phân tích dữ liệu một cách khoa học. Bên cạnh đó sinh viên được trang bị các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, trình bày vấn đề, phát triển khả năng phân tích và tổng hợp một cách khoa học. Từ đó, sinh viên cũng hiểu được tầm quan trọng của nghiên cứu thị trường và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển và tồn tại của các doanh nghiệp và tổ chức.</p> | 2 (0+2) | Học kỳ 7 | Tiểu luận |
| 37 | <p>Nghệ thuật lãnh đạo (2+0)</p> | <p>Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích : Bản chất của lãnh đạo, phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo</p> | 2 (2+0) | Học kỳ 7 | Tiểu luận |

| | | | | | |
|----|---|---|---------|----------|-----------|
| | | <p>sao cho có hiệu quả nhất, sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể, phát huy năng lực tập thể, khảo sát, đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học, nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, mặt yếu,...</p> <p>Học phần này rất cần thiết đối với sinh viên khi tiếp cận thực tế trong quá trình ra quyết định.</p> | | | |
| 38 | Quảng cáo (3+0) | <p>Học phần này trang bị kiến thức thực tiễn về: Quảng cáo, phương pháp hoạch định chiến lược Quảng cáo và phương pháp giám sát quá trình thực thi chiến lược Quảng cáo trên thị trường. Sinh viên có thể phác thảo bản kế hoạch về tiến trình và nội dung các bước trong việc thiết lập kế hoạch Quảng cáo. Sinh viên có khả năng phân tích và cập nhật các yếu tố môi trường và các thay đổi từ người tiêu dùng để làm cơ sở điều chỉnh mục tiêu Quảng cáo và đưa các giải pháp phù hợp xem xét quá trình sáng tạo và các phương pháp xác định xây dựng ý tưởng cho sáng tạo Quảng cáo.</p> | 3 (3+0) | Học kỳ 7 | Tiểu luận |
| 39 | Quản trị quan hệ khách hàng (CRM) (2+0) | <p>Quản trị quan hệ khách hàng (CRM) là một chiến lược kinh doanh nhằm cực đại hoá khả năng sinh lợi và sự thoả mãn khách hàng thông qua việc tổ chức xoay quanh các phân đoạn khách hàng và triển khai các quá trình định hướng khách hàng. Học phần giúp sinh viên hiểu sâu sắc các khái niệm cốt lõi về giá trị khách hàng, trải nghiệm khách hàng, danh mục khách hàng, vòng đời khách hàng, dữ liệu khách hàng, các khái niệm về chiến lược quản trị khách hàng. Học phần cũng</p> | 2 (2+0) | Học kỳ 7 | Tự luận |

| | | | | | |
|----|--|--|---------|----------|-----------|
| | | cung cấp những nội dung cơ bản về tầm quan trọng của CRM, phân tích giá trị khách hàng và phân biệt khách hàng theo giá trị, các nguồn tạo ra giá trị khách hàng, quản trị trải nghiệm khách hàng, quản trị danh mục khách hàng, quản trị v ng đòi khách hàng, cơ sở dữ liệu khách hàng, văn hoá doanh nghiệp định hướng khách hàng, vấn đề tổ chức trong quan hệ khách hàng. | | | |
| 40 | Quản trị chiến dịch quảng cáo trên nền tảng số (2+0) | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quảng cáo trực tuyến trong thời đại kỹ thuật số và công nghệ 4.0. Cụ thể học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức về cách thức phân khúc khách hàng quảng cáo mục tiêu; khái niệm về độ phủ và độ lặp; các chiến lược để lôi kéo khách hàng, nâng cao giá trị thương hiệu thông qua quảng cáo trực tuyến; các cách thể hiện một quảng cáo trực tuyến như video, game, đồ vui; đa phương tiện...; cách kết nối giữa quảng cáo trực tuyến và các công cụ tìm kiếm; mối liên hệ giữa quảng cáo trực tuyến và hành vi mua hàng trực tuyến; quảng cáo cá nhân hóa thông qua email và truyền thông truyền miệng; xu hướng tương lai của quảng cáo trực tuyến; đo lường quảng cáo trực tuyến...Mục tiêu của học phần nhằm giúp cho các cử nhân tương lai có khả năng sử dụng quảng cáo trực tuyến một cách tự tin và hiệu quả. | 2 (2+0) | Học kỳ 7 | Tiểu luận |
| 41 | Thực tập kỹ năng kinh doanh (0+2) | Học phần này giúp cho sinh viên củng cố lại kiến thức lý thuyết đã được học trong các học phần trước có liên quan đến các nghiệp vụ của chuyên viên quản trị kinh doanh. Đặc biệt, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng | 2 (0+2) | Học kỳ 7 | Tiểu luận |

| | | | | | |
|----|-----------------------------------|--|---------|----------|-------------|
| | | <p>thực hành nghiệp vụ như một chuyên viên kinh doanh thực sự. Bao gồm các nội dung thực hành sau: Xây dựng hình ảnh tác phong chuyên nghiệp; Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh; Tìm kiếm khách hàng tiềm năng; Bán hàng online, offline, qua điện thoại; Kỹ thuật chốt sale hiệu quả; Xây dựng kênh phân phối; Kỹ năng chăm sóc khách hàng; Kỹ năng viết CV và phỏng vấn cơ bản; Kỹ năng chinh phục nhà tuyển dụng. Các nội dung thực hành này giúp người học định hình và trải nghiệm thực tế những công việc của chuyên viên kinh doanh trong doanh nghiệp.</p> | | | |
| 42 | Tư tưởng Hồ Chí Minh (2+0) | <p>Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, trình bày về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 2 trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.</p> | 2 (2+0) | Học kỳ 8 | Trắc nghiệm |
| 43 | Quản trị kinh doanh quốc tế (0+2) | <p>Học phần giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc về những hoạt động chủ yếu của các tổ chức Đa quốc gia, và khía cạnh quốc tế trong tiến trình quản trị của các tổ chức này; nhấn mạnh sự khác biệt về những chức năng quản trị giữa công ty hoạt động kinh doanh quốc tế và công ty chỉ hoạt động trong môi trường nội địa. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu những chiến lược cạnh tranh trên thị trường toàn cầu và xâm nhập thị trường thế giới. Sinh viên sẽ được trang bị cơ sở lý luận và phương pháp để phát triển tư duy và thực hiện hoạt động kinh doanh quốc tế sau này.</p> | 2 (0+2) | Học kỳ 8 | Tiểu luận |

| | | | | | |
|----|--------------------------|---|---------|----------|---------------|
| 44 | Thương mại điện tử (0+2) | <p>Cung học cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau.</p> <p>Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử: thiết kế web, xây dựng hệ thống thanh toán; những quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT.</p> | 2 (0+2) | Học kỳ 8 | Tiểu luận |
| 45 | Quản trị Marketing (0+2) | <p>Môn học được thiết kế với mục tiêu giúp sinh viên xác định nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức về quản trị Marketing còn giúp sinh viên phân tích tình hình Marketing bên trong và bên ngoài doanh nghiệp bằng cách đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của doanh nghiệp và lập chiến lược Marketing, ứng dụng quản lý Marketing cho những lĩnh vực kinh doanh khác nhau.</p> <p>Trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing.</p> <p>Thông qua làm việc nhóm, sinh viên sẽ nâng cao kỹ năng làm việc nhóm (thảo luận, tranh luận, thống nhất vấn đề/ quan điểm) cũng như kỹ năng viết, kỹ năng nói và thuyết trình của sinh viên sẽ được nâng lên.</p> | 2 (0+2) | Học kỳ 8 | Tiểu luận |
| 46 | Nhiếp ảnh (3+0) | Trang bị cho sinh viên các kiến thức, nguyên tắc về nhiếp ảnh kỹ | 3 (3+0) | Học kỳ 8 | Thực hành/bài |

| | | | | | |
|----|--------------------------------------|---|---------|----------|-----------|
| | | <p>thuật số để hiểu các thể loại ảnh như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh hoạt. - Phong cảnh. - Công trình kiến trúc. | | | tập lớn |
| s | Tổ chức sự kiện (0+2) | <p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức về: khái niệm, lịch sử hình thành, phân loại, mục đích, ý nghĩa của tổ chức sự kiện; cấu trúc, nguyên tắc và các thủ pháp xây dựng chương trình. Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản về công tác tổ chức sự kiện như: quy trình tổ chức, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức sự kiện; công tác lập kế hoạch, triển khai, giám sát, xử lý tình huống trong quá trình tổ chức một số sự kiện và các kỹ năng cần thiết cho quá trình tổ chức sự kiện. Xác định các giá trị của sự kiện, xác định khách hàng, đặt mục tiêu, chọn lựa phương thức truyền thông và xây dựng kế hoạch marketing. Phân biệt các loại tài trợ, cách lập hồ sơ xin tài trợ.</p> | 2 (0+2) | Học kỳ 8 | Tiểu luận |
| 48 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2+0) | <p>Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã</p> | 2 (2+0) | Học kỳ 9 | Tự luận |

| | | | | | |
|----|--------------------------------------|---|---------|-----------|-----------|
| | | hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. | | | |
| 49 | Thực tập phần mềm mô phỏng ERP (0+2) | Học phần Thực hành mô phỏng phần mềm ERP giới thiệu các được các kiến thức cơ bản về chức năng của phần mềm ERP, giúp sinh viên có kỹ năng phân tích được nguồn dữ liệu và quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng quản lý danh mục tồn kho, quản lý danh mục nhà cung cấp, quản lý cung ứng mua hàng, quản lý kho hàng, quản lý danh mục khách hàng, quản lý phân phối & bán hàng, xây dựng định mức sản phẩm, lập kế hoạch sản xuất, quản lý phân xưởng, quản trị hệ thống | 2 (0+2) | Học kỳ 9 | Thực hành |
| 50 | Thực tập doanh nghiệp 3 (0+3) | Học phần này nhằm cung cấp cho SV có cơ hội trải nghiệm với nghề nghiệp thông qua đó tổng hợp và áp dụng các kiến thức chuyên ngành áp dụng vào thực tiễn doanh nghiệp | 3 (0+3) | Học kỳ 9 | Báo cáo |
| 51 | Khởi nghiệp (0+2) | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản hữu ích về khởi nghiệp, giúp sinh viên chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới cũng như biết cách tránh được các khó khăn không cần thiết trên con đường khởi nghiệp. | 2 (0+2) | Học kỳ 10 | Tiểu luận |

| | | | | | |
|----|-----------------------------------|--|---------|-----------|-----------|
| 52 | Quản trị nguồn nhân lực (3+0) | Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: vai trò, chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; những ảnh hưởng, ràng buộc (môi trường) của pháp luật, công nghệ, môi trường cạnh tranh tới quản trị nguồn nhân lực; phân tích công việc và định mức lao động; lập kế hoạch nguồn nhân lực; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng; đào tạo & phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên; xây dựng chính sách và thực hành các hình thức trả lương bổng và đãi ngộ đối với lao động, xử lý các quan hệ lao động. | 3 (3+0) | Học kỳ 10 | Tiểu luận |
| 53 | | | | | |
| 54 | Quan hệ công chúng (0+2) | Học phần đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực PR trên nền tảng nghiên cứu, vận dụng và phát triển hệ thống cơ sở lý thuyết của tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học. Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; những tiêu chuẩn và yêu cầu thiết yếu đối với người làm công tác PR; tiến trình hoạch định PR; quan hệ báo chí; lập kế hoạch tổ chức sự kiện & tài trợ; quản lý khủng hoảng và PR nội bộ. | 2 (0+2) | Học kỳ 10 | Tiểu luận |
| 55 | Quản trị chất lượng dịch vụ (0+2) | Phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và có hệ thống về các khái niệm chất lượng dịch vụ và quản trị chất lượng dịch vụ; các phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ; các mô hình quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ trong nền kinh tế thị trường. | 2 (0+2) | Học kỳ 10 | Tự luận |

| | | | | | |
|----|---------------------------------------|---|---------|-----------|-----------|
| 56 | Truyền thông Marketing tích hợp (0+2) | <p>Cung cấp cho người học các kiến thức cũng như kỹ năng để xây dựng, thực hiện và đánh giá một chương trình truyền thông marketing tích hợp (IMC). Cụ thể là môn học giúp cho người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu vị trí của IMC trong marketing mix, các thành phần của IMC. - Biết phân tích hành vi người tiêu dùng để nắm các cơ hội xây dựng chương trình truyền thông marketing hiệu quả. - Hiểu rõ quá trình truyền thông và các yếu tố chính của quá trình truyền thông. - Biết phát triển các yếu tố của chương trình IMC: quảng cáo, khuyến mại, bán hàng trực tiếp, quan hệ công chúng, marketing trực tiếp. - Biết tổ chức, phối hợp các hoạt động truyền thông marketing cũng như đo lường đánh giá hiệu quả chương trình truyền thông marketing. | 2 (0+2) | Học kỳ 10 | Tự luận |
| 57 | Quản trị thương hiệu (2+0) | <p>Môn học này giúp sinh viên nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu, những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu, hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.</p> | 2 (2+0) | Học kỳ 11 | Tiểu luận |
| 58 | Marketing quốc tế (0+2) | <p>Marketing quốc tế bao gồm phạm vi kiến thức cơ bản giúp doanh nghiệp có thể triển khai được các hoạt động kinh doanh và các hoạt động marketing hỗ trợ trong quá trình thâm nhập thị trường quốc tế. Môn học này</p> | 2 (0+2) | Học kỳ 11 | Tiểu luận |

| | | | | | |
|----|------------------------------------|---|---------|-----------|-----------|
| | | là học phần quan trọng của chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức bổ sung và mở rộng kiến thức đã học ở môn học Marketing căn bản như: nghiên cứu, hoạch định marketing trong môi trường kinh doanh quốc tế và triển khai hiệu quả phối thức marketing quốc tế mở rộng (7P), đặc biệt trong marketing dịch vụ hiện nay. | | | |
| 59 | Thực tập tốt nghiệp (0+5) | Học phần này nhằm cung cấp cho SV có cơ hội trải nghiệm với nghề nghiệp thông qua đó tổng hợp và áp dụng các kiến thức chuyên ngành để hoàn thiện các quy trình, chiến lược quản trị kinh doanh trong vai trò người chủ động nghiên cứu.. | 5 (0+5) | Học kỳ 11 | Báo cáo |
| 60 | Digital marketing (0+2) | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếp thị trực tuyến, giúp sinh viên nắm bắt nền tảng, hiện trạng và tiềm năng của Marketing thương mại điện tử. | 2 (0+2) | Học kỳ 8 | Tiểu luận |
| 61 | Báo cáo/khóa luận tốt nghiệp (0+5) | Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để tiến hành nghiên cứu; dựa trên kết quả nghiên cứu để đưa ra phương pháp cải tiến hoặc hoàn thiện quy trình/ nghiệp vụ cụ thể. | 5 (0+5) | Học kỳ 12 | Báo cáo |

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Quốc Cường